

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 285/2020/HS-ST

Ngày: 08-6-2020.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA,  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Anh Đức.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Chi.

Bà Nguyễn Thị Nhạn.

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thế Mạnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Lê Sỹ Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 192/2020/TLST-HS ngày 14 tháng 04 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 258/2020/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 253/2020/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 5 năm 2020 đối với các bị cáo:

**1. Nguyễn Thị Trúc P**, sinh ngày 23/5/1999 tại Kiên Giang; Nơi cư trú: ấp A, xã B, huyện Q, tỉnh Kiên Giang; Nghề nghiệp: Nhân viên phục vụ; Trình độ học vấn: 08/12; Giới tính: Nữ; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1975 và bà Lê Thị Cúc H, sinh năm 1976; Gia đình bị cáo có 03 chị em, bị cáo là con thứ 2 và có chồng tên Dành Duy K, sinh năm 1997 (Đã ly hôn); có một con sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Biên Hòa từ ngày 31/12/2019 (Có mặt).

**2. Lê Thị Lệ C**, sinh ngày 01/01/1993 tại Kiên Giang; Nơi cư trú: ấp A, xã B, huyện Q, tỉnh Kiên Giang; Nghề nghiệp: Nhân viên phục vụ; Trình độ học vấn: 11/12; Giới tính: Nữ; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T, sinh năm 1966 và bà Lê Thị N, sinh năm 1967; Gia

đình bị cáo có 05 chị em, bị cáo là con thứ 3; Có chồng tên Cao Minh T, sinh năm 1989 (Đã ly hôn) và có 02 con (2012 và 2015); Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Biên Hòa từ ngày 31/12/2019 (Có mặt).

**3. Huỳnh Tấn L1**, sinh ngày 17/01/1995 tại Đồng Nai; Nơi cư trú: ấp 1, xã F, huyện V, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Thanh L2, sinh năm 1971 và bà Lê Thị P1, sinh năm 1972; Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất và chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 31/12/2019 đến ngày 07/01/2020 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt).

**4. Trần Minh P2**, sinh ngày 21/7/1993 tại Đồng Nai; Nơi cư trú: ấp 5, xã D, huyện V, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 12/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn P3, sinh năm 1967 và bà Đỗ Thị Ngọc M, sinh năm 1970; Gia đình bị cáo có 03 anh em, bị cáo là con thứ nhất và chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 31/12/2019 đến ngày 07/01/2020 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt).

**5. Nguyễn Lam T1**, sinh ngày 03/10/2000 tại Đồng Nai; Nơi cư trú: ấp E, xã G, huyện V, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Phụ hồ; Trình độ học vấn: 09/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn K1, sinh năm 1973 và bà Trần Thị Thùy T2, sinh năm 1976; Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất và chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 31/12/2019 đến ngày 07/01/2020 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt).

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Chị Lê Thị Kim H, sinh ngày 17/01/2004; Nơi cư trú: ấp 1, xã X, huyện Y, tỉnh Cần Thơ (Vắng mặt).

*Người đại diện theo pháp luật của chị Lê Thị Kim H:* Bà Lê Thị Tuyết H1, sinh năm 1980; Nơi cư trú: ấp 1, xã X, huyện Y, tỉnh Cần Thơ (Vắng mặt).

Chị Lê Nguyễn Minh Q, sinh năm 1996; Nơi cư trú: ấp 2, xã O, thành phố Q, tỉnh Đồng Nai (Vắng mặt).

*Người bào chữa cho bị cáo Trần Minh P2, Nguyễn Lam T1:* Luật sư Nguyễn Đình Hải - Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Hải Châu - Đoàn luật sư tỉnh Đồng Nai (Có đơn xin vắng mặt).

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Nguyễn Minh Q (sinh năm 1996) ngụ tại ấp 2, xã O, thành phố Q, tỉnh Đồng Nai) thuê căn hộ số A2.04.11 Chung cư “Sơn An” tại khu phố 3, phường Tam Hòa, thành phố Biên Hòa thuộc quyền sở hữu của chị Nguyễn Thị H2 với giá 7.000.000 đồng/tháng. Đến ngày 15/10/2019, Q cho Lê Thị Lệ C, Nguyễn Thị Trúc P và Lê Thị Kim H, sinh ngày 17/01/2004, cùng ngụ tại ấp 1, xã X, huyện Y, tỉnh Cần Thơ đến ở cùng Q tại căn hộ nêu trên. Khoảng đầu tháng 11/2019, Q về nhà tại thành phố Q và chuyển giao người thuê nhà sang cho Nguyễn Thị Trúc P.

Đầu tháng 12/2019, P, C, H bàn bạc thống nhất cùng nhau góp tiền để trang trí lại 01 phòng ngủ làm nơi tổ chức cho người khác sử dụng trái phép chất ma túy, tiền thu được sẽ dùng vào việc trả tiền thuê nhà, tiền điện, nước. Sau khi bàn bạc xong, P góp 1.500.000 đồng, C góp 1.500.000 đồng và H góp 1.000.000 đồng, tổng cộng được 4.000.000 đồng và dùng số tiền này mua xốp cách âm dán tường, sử dụng đèn và loa có sẵn, sửa 01 phòng ngủ làm nơi tổ chức sử dụng ma túy và cho một số người có nhu cầu đến sử dụng trái phép chất ma túy tại phòng.

Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 31/12/2019, Nguyễn Thị Trúc P, Lê Thị Lệ C và Lê Thị Kim H đang ở tại căn hộ chung cư trên thì có người thanh niên tên “Bin”(chưa rõ nhân thân, lai lịch) gọi điện thoại cho P theo số máy 0824837201 giới thiệu bạn đến chọn phòng sử dụng ma túy, P đồng ý. Khoảng 01 giờ ngày 31/12/2019, Lê Hoàng Kh, Nguyễn Lam T1, Trần Minh P2 và Huỳnh Tấn L1 đến phòng gọi cửa, P ra mở cửa dẫn Lộc, Khang, Trường và Phú vào phòng đã trang trí để sử dụng trái phép chất ma túy.

Huỳnh Tấn L1, Lê Hoàng Kh, Nguyễn Lam T1 và Trần Minh P2 đều là người sử dụng trái phép chất ma túy tổng hợp (thuốc lắc và hàng khay). Trước đó, vào khoảng 00 giờ 20 phút ngày 31/12/2019 cả 04 người rủ nhau đến hát Karaoke “KOK” trên đường Võ Thị Sáu thuộc khu phố 7, phường Thông Nhất, thành phố Biên Hòa. Sau khi hát karaoke một lúc, L1 rủ P2, Kh và T1 tìm nơi sử dụng ma túy, tất cả nhất ý. Lộc dùng điện thoại số 0937254860 liên lạc với người thanh niên tên “Bin” (chưa rõ nhân thân, lai lịch và chưa xác định được số điện thoại), nhờ “Bin” tìm phòng để sử dụng ma túy và được Bin giới thiệu đến căn hộ A2.04.11 chung cư “Sơn An” do Phương thuê nêu trên.

Sau khi nhóm của L1 được P dẫn vào phòng, lúc này T1 và P2 mỗi người góp 2.000.000đ đưa cho Kh số tiền 4.000.000 đồng để mua ma túy về cùng sử dụng chung. Kh dùng điện thoại gọi cho một người tên “Boss” (chưa rõ nhân thân, lai lịch và chưa xác định được số điện thoại) hỏi mua ma túy và yêu cầu đem ma túy đến chung cư “Sơn An” giao cho Kh. Đến khoảng 01 giờ 30 phút ngày 31/12/2019, người bán ma túy đến gọi điện thoại cho Kh, do sợ có người dân trong chung cư biết có người lạ ra vào phòng nên Kh đưa cho P số tiền 4.000.000 đồng và số điện thoại của người bán ma túy để nhờ P liên lạc và nhận dùm ma túy tại cổng chung cư “Sơn An”. Sau đó P ra ngoài liên lạc điện thoại và

gặp người bán ma túy tại cổng chung cư “Sơn An” nhận 04 viên ma túy tổng hợp (thuốc lắc), 01 gói ma túy tổng hợp (hàng khay) giá 3.000.000 đồng, P đem toàn bộ số ma túy này và 1.000.000 đồng còn lại giao cho Kh.

Nhận được ma túy, Kh đổ gói ma túy tổng hợp (hàng khay) ra đĩa, Kh dùng miếng nhựa cà mịn thành bột để mọi người cùng sử dụng. L1, Kh, T1, P2, P, C và H mỗi người sử dụng bằng hình thức hít. L1, Kh, T1 và P2 mỗi người tiếp tục sử dụng ½ viên ma túy (thuốc lắc), còn P lấy 01 viên ma túy (thuốc lắc) cà thành bột và bỏ vào ly nước ngọt cho một mình P sử dụng bằng hình thức uống.

Sau khi sử dụng ma túy, L1, Kh, T1, P2, P, C và H ngồi nghe nhạc đến khoảng 04 giờ ngày 31/12/2019 thì thấy Công an đến nên L1 cất giấu 01 viên ma túy còn lại vào khe miếng cách âm tại phòng, xóa các cuộc gọi, tin nhắn Zalo và messenger trong điện thoại. Sau đó, cả nhóm bị Công an kiểm tra bắt quả tang về hành vi “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Quá trình điều tra Nguyễn Thị Trúc P, Lê Thị Lệ C, Huỳnh Tấn L1, Lê Hoàng Kh, Nguyễn Lam T1 và Trần Minh P2 đã khai nhận hành vi phạm tội như trên.

*Vật chứng thu giữ gồm:*

- 01 viên nén hình tròn màu xanh có lo go chữ LV lồng vào nhau.
- 02 bộ dụng cụ sử dụng Sisa bằng thủy tinh, 01 đĩa sứ màu trắng đường kính 25cm và 01 thẻ nhựa.
- 01 điện thoại di động hiệu Iphone của Nguyễn Thị Trúc P.
- 01 điện thoại di động hiệu Iphone của Huỳnh Tấn L1.
- 01 điện thoại di động hiệu Iphone của Lê Hoàng Kh.
- 01 điện thoại di động hiệu Iphone của Lê Thị Lệ C.
- 01 điện thoại di động hiệu Iphone của Nguyễn Lam T1.
- 01 điện thoại di động hiệu Samsung của Trần Minh P2.
- 01 điện thoại di động hiệu Samsung của Lê Thị Kim H.

Tại Kết luận giám định số 04/KLGD-PC09 ngày 06/01/2020 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai kết luận: **01 viên nén hình tròn màu xanh có logo chữ LV lồng vào nhau được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng: 0,3264 gam, loại: MDMA.**

Hoàn lại mẫu vật sau khi giám định có khối lượng: 0,1805 gam (được niêm phong theo quy định).

*Về xử lý vật chứng:* Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã trả lại cho:

- Lê Thị Lệ C 01 điện thoại di động hiệu Iphone thuê bao số 0942837009, Imel: 353887107120803;

- Nguyễn Lam T1 01 điện thoại di động hiệu Iphone thuê bao số 0933552632, Imel: 359303061559113;

- Trần Minh P2 01 điện thoại di động hiệu Samsung thuê bao số 0778222139, Imel: 353415085804592/01;

- Lê Thị Kim H 01 điện thoại di động hiệu Samsung thuê bao số 0927597367, Imel: 358176100352448/01.

Ngoài ra, ban đầu P, C, H còn khai nhận thêm vào lúc 01 giờ đến 05 giờ ngày 26/12/2019, đã cho 05 đối tượng (chưa rõ lai lịch) thuê phòng tại địa chỉ nêu trên để sử dụng ma túy và đã thu lợi 2.000.000 đồng. Tuy nhiên sau đó, P, C, H thay đổi lời khai chỉ cho 05 đối tượng đến thuê phòng để nhậu và nghe nhạc chứ không sử dụng trái phép chất ma túy. Hiện chưa xác định được nhân thân, lai lịch của 05 đối tượng đã đến thuê phòng vào ngày 26/12/2019 nên chưa đủ cơ sở xác định các bị cáo P, C “Phạm tội 02 lần trở lên”.

Đối với Lê Nguyễn Minh Q thì ban đầu Nguyễn Thị Trúc P, Lê Thị Lệ C và Lê Thị Kim H khai Q là người cùng bàn bạc, góp tiền sửa chữa phòng để tổ chức cho người khác sử dụng ma túy. Tuy nhiên, sau đó cả ba thay đổi lời khai xác định Q không biết việc sửa chữa phòng và Lê Nguyễn Minh Q không thừa nhận đã bàn bạc, góp tiền cùng với P, C và H, đồng thời kết quả xét nghiệm chất ma túy đối với Q là âm tính. Do đó chưa đủ căn cứ xác định Q đồng phạm với P và C về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa tiếp tục điều tra xử lý sau.

Đối với Lê Thị Kim H, sinh ngày 17/01/2004 là người tham gia cùng Nguyễn Thị Trúc P và Lê Thị Lệ C thực hiện hành vi “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” nhưng do H chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự nên Công an thành phố Biên Hòa đã ra quyết định xử phạt hành chính.

Đối với thanh niên tên “Bin” (chưa rõ nhân thân, lai lịch) có hành vi giúp sức cho các bị can thực hiện hành vi “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và người tên “Boss” (chưa rõ nhân thân, lai lịch) có hành vi bán trái phép chất ma túy cho Kh, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý sau.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Thị Trúc P và Lê Thị Lệ C thừa nhận hành vi tổ chức cho Huỳnh Tấn L1, Lê Hoàng Kh, Nguyễn Lam T1 và Trần Minh P2 sử dụng ma túy tại phòng của mình. Đồng thời, P là người nhận ma túy giùm cho L1, Kh, T1 và P2 để các đối tượng này sử dụng với khối lượng ma túy là 0,3264 gam, loại: MDMA. Quá trình điều tra, truy tố, các bị cáo Nguyễn Thị Trúc P, Lê Thị Lệ C, Huỳnh Tấn L1, Nguyễn Lam T1 và Trần Minh P2 không có ý kiến khiếu nại đối với các quyết định, hành vi của cơ quan, người tiến hành tố tụng cũng như Kết luận giám định số 04/KLGD-PC09 ngày 06/01/2020 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai.

Tại bản luận cứ bào chữa cho bị cáo Trần Minh P1, Nguyễn Lam T1, luật sư Nguyễn Đình Hải trình bày:

Về trình tự thủ tục: Việc các cơ quan tiến hành tố tụng tiến hành điều tra, truy tố đã đảm bảo đúng trình tự thủ tục, các bị cáo không bị ép cung, nhục hình.

Về tội danh: Quá trình điều tra và truy tố các bị cáo cũng thừa nhận hành vi phạm tội, phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa truy tố các bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” là đúng người, đúng tội.

Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Nguyễn Lam T1, Trần Minh P2 có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Quá trình điều tra, tích cực giúp đỡ các cơ quan tiến hành tố tụng điều tra phát hiện, điều tra tội phạm. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự tuyên phạt các bị cáo với mức án thấp nhất để thể hiện sự khoan hồng, nhân đạo của pháp luật, cũng như tạo điều kiện cho các bị cáo có thời gian sửa chữa các sai phạm của mình, phấn đấu rèn luyện bản thân trở thành công dân tốt của xã hội.

*Bản cáo trạng số 209/CT-VKS-BH ngày 09/04/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa truy tố các bị cáo Lê Thị Lệ C về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255; Huỳnh Tấn L1, Nguyễn Lam T1 và Trần Minh P2 về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 và Nguyễn Thị Trúc P về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 và “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự (được sửa đổi, bổ sung 2017).*

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận:

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Nguyễn Thị Trúc P và Lê Thị Lệ C thừa nhận hành vi tổ chức cho Huỳnh Tấn L1, Lê Hoàng Kh, Nguyễn Lam T1 và Trần Minh P2 sử dụng ma túy tại phòng của mình. Đồng thời, P là người xuống trả tiền và nhận ma túy giùm cho L1, Kh, T1 và P2 để các đối tượng này sử dụng.

Tại Kết luận giám định số 04/KLGD-PC09 ngày 06/01/2020 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai kết luận: *01 viên nén hình tròn màu xanh có logo chữ LV lồng vào nhau được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng: 0,3264 gam, loại: MDMA.*

Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Lê Thị Lệ C về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”; Huỳnh Tấn L1, Nguyễn Lam T1 và Trần Minh P2 về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và Nguyễn Thị Trúc P về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm o khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung 2017);

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Thị Trúc P từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù.

Xử phạt: bị cáo Lê Thị Lệ C từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 (áp dụng thêm khoản 2 đối với bị cáo Phương) Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung 2017);

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Thị Trúc P từ 01 năm tù đến 01 năm 06 tháng tù.

Xử phạt: bị cáo Huỳnh Tấn L1 từ 01 năm tù đến 01 năm 06 tháng tù.

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Lam T1 từ 01 năm tù đến 01 năm 06 tháng tù.

Xử phạt: bị cáo Trần Minh P2 từ 01 năm tù đến 01 năm 06 tháng tù.

*Về xử lý vật chứng:* Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Đề nghị tịch thu tiêu hủy số lượng ma túy trong gói niêm phong số 04/KLGD-PC09 ngày 06/01/2020 có khối lượng 0,1805 gam và 02 bộ dụng cụ sử dụng Sisa bằng thủy tinh, 01 đĩa sứ màu trắng đường kính 25cm và 01 thẻ nhựa.

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Iphone thuê bao số 0824837201, Imel: 012645009198043 của Nguyễn Thị Trúc P, 01 điện thoại di động hiệu Iphone thuê bao số 0937254860, Imel: 013056007013011 của Huỳnh Tấn L1, 01 điện thoại di động hiệu Iphone thuê bao số 0942000232, Imel: 013057005480657 của Lê Hoàng Kh sử dụng vào việc phạm tội.

- Về án phí: Buộc các bị cáo chịu án phí theo quy định pháp luật.

*Bị cáo Nguyễn Thị Trúc P nói lời nói sau cùng:* Bị cáo thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, do bị cáo chưa có việc làm nên mới nhất thời phạm tội, bị cáo rất hối hận mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm trở về chăm sóc con nhỏ.

*Bị cáo Lê Thị Lệ C nói lời nói sau cùng:* Bị cáo thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, do bị cáo chưa có việc làm nên mới nhất thời phạm tội, bị cáo rất hối hận mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm trở về chăm sóc con nhỏ.

*Bị cáo Huỳnh Tấn L1 nói lời nói sau cùng:* Bị cáo thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo thấy rất hối hận về hành vi của mình và mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

*Bị cáo Nguyễn Lam T1 nói lời nói sau cùng:* Bị cáo thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo thấy rất hối hận về hành vi của mình và mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

*Bị cáo Trần Minh P2 nói lời nói sau cùng: Bị cáo thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo thấy rất hối hận về hành vi của mình và mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:*

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Biên Hòa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trên cơ sở tài liệu chứng cứ và lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đủ cơ sở xác định: Khoảng 04 giờ ngày 31/12/2019, lực lượng Công an phường Tam Hòa, thành phố Biên Hòa kiểm tra căn hộ A2.04.11 chung cư “Sơn An”. Tại thời điểm kiểm tra có mặt Lê Thị Lệ C, Nguyễn Thị Trúc P, Lê Thị Kim H, Lê Hoàng Kh, Nguyễn Lam T1, Trần Minh P2 và Huỳnh Tấn L1 và phát hiện 01 viên ma túy tại khe miếng cách âm.

Sau đó, các bị cáo Nguyễn Thị Trúc P, Lê Thị Lệ C cùng Lê Thị Kim H sinh ngày 17/01/2004 khai nhận việc cùng góp tiền sửa phòng làm nơi tổ chức cho người khác sử dụng trái phép chất ma túy. Khoảng 00 giờ 20 phút ngày 31/12/2019, Lê Hoàng Kh, Nguyễn Lam T1, Trần Minh P2 và Huỳnh Tấn L1 được “Bin” (chưa rõ nhân thân, lai lịch và chưa xác định được số điện thoại) giới thiệu đến căn hộ A2.04.11 chung cư “Sơn An”. Do sợ người trong chung cư để ý, Kh đã nhờ P cầm tiền xuống trả cho người bán và nhận 04 viên ma túy tổng hợp (thuốc lắc) và 01 gói ma túy tổng hợp (hàng khay) mà Kh đặt mua. Sau khi sử dụng ma túy, L1, Kh, T1, P2, P, C và H ngồi nghe nhạc đến khoảng 04 giờ ngày 31/12/2019 thì có lực lượng Công an đến kiểm tra nên L1 cất giấu 01 viên ma túy còn lại vào khe miếng cách âm tại phòng, xóa các cuộc gọi, tin nhắn Zalo và messenger trong điện thoại.

[3] Tại Kết luận giám định số 04/KLGD-PC09 ngày 06/01/2020 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai kết luận: *01 viên nén hình tròn màu xanh có logo chữ LV lồng vào nhau được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng: 0,3264 gam, loại: MDMA.*

[4] Do đó, hành vi của các bị cáo Lê Thị Lệ C đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255; Huỳnh Tấn L1, Nguyễn Lam T1 và Trần Minh P2 cấu thành tội “Tàng trữ



trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 và Nguyễn Thị Trúc P cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 và điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm hại đến chính sách độc quyền quản lý về các chất ma túy của Nhà nước, bản thân các bị cáo đều hiểu rất rõ tác hại của chất ma túy, là nguyên nhân và mầm mống lây truyền căn bệnh thế kỷ HIV/AIDS, đồng thời cũng là nguồn gốc phát sinh các loại tội phạm khác. Ngoài ra, do muốn có tiền thỏa mãn nhu cầu của cá nhân mà bị cáo P, C vẫn bất chấp quy định cấm của pháp luật, cố ý phạm tội nên cần có mức hình phạt thật nghiêm để răn đe đối với các bị cáo cũng như phòng ngừa tội phạm nói chung.

[6] Xét vai trò các bị cáo trong vụ án này: Bị cáo Nguyễn Thị Trúc P và Lê Thị Lệ C cùng thực hiện hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, cùng góp tiền để sửa phòng cho người khác sử dụng ma túy nên chịu trách nhiệm ngang nhau.

Đối với hành vi tàng trữ, các bị cáo cũng tham gia với vai trò đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có bàn bạc, thỏa thuận, hứa hẹn hay phân công nhau để thực hiện hành vi phạm tội nên cùng chịu mức hình phạt ngang nhau.

[7] Về nhân thân của bị cáo: Các bị cáo Nguyễn Thị Trúc P, Lê Thị Lệ C, Huỳnh Tấn L1, Nguyễn Lam T1 và Trần Minh P2 chưa có tiền án, tiền sự.

[8] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Thị Trúc P, Lê Thị Lệ C phạm vào tình tiết xúi dục người dưới 18 tuổi phạm tội là tình tiết tăng nặng theo quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51; đồng thời bị cáo Nguyễn Thị Trúc P, Lê Thị Lệ C đang nuôi con nhỏ là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Vì vậy, Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

[9] *Về xử lý vật chứng:*

- Gói ma túy là mẫu vật hoàn lại sau giám định, đã được niêm phong số 04/KLGD-PC09 ngày 06/01/2020 có khối lượng 0,1805 gam và 02 bộ dụng cụ sử dụng Sisa bằng thủy tinh, 01 đĩa sứ màu trắng đường kính 25cm, 01 thẻ nhựa là vật Nhà nước cấm tàng trữ, cấm lưu hành và không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone thuê bao số 0824837201, Imel: 012645009198043 của Nguyễn Thị Trúc P, 01 điện thoại di động hiệu Iphone thuê bao số 0937254860, Imel: 013056007013011 của Huỳnh Tấn L1, 01 điện

thoại di động hiệu Iphone thuê bao số 0942000232, Imel: 013057005480657 của Lê Hoàng Kh sử dụng vào việc phạm tội cần tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

Đối với tang vật gồm: 01 điện thoại di động hiệu Iphone thuê bao số 0942837009, Imel: 353887107120803 của Lê Thị Lệ C, 01 điện thoại di động hiệu Iphone thuê bao số 0933552632, Imel: 359303061559113 của Nguyễn Lam T1, 01 điện thoại di động hiệu Samsung thuê bao số 0778222139, Imel: 353415085804592/01 của Trần Minh P2, 01 điện thoại di động hiệu Samsung thuê bao số 0927597367, Imel: 358176100352448/01 của Lê Thị Kim H không liên quan đến hành vi phạm tội, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã trả lại cho chủ sở hữu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa truy tố các bị cáo Lê Thị Lệ C về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255; Huỳnh Tấn L1, Nguyễn Lam T1 và Trần Minh P2 về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 và Nguyễn Thị Trúc P về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 và điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[11] Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Tuyên bố bị cáo Lê Thị Lệ C phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, bị cáo Huỳnh Tấn L1, Nguyễn Lam T1 và Trần Minh P2 phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và Nguyễn Thị Trúc P phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm o khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung 2017);

**Xử phạt:** bị cáo **Nguyễn Thị Trúc P 07 (bảy) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 31/12/2019.

**Xử phạt:** bị cáo **Lê Thị Lệ C 07 (bảy) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 31/12/2019.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 (áp dụng thêm khoản 2 đối với bị cáo Phương) Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung 2017);

**Xử phạt:** Bị cáo **Huỳnh Tấn L1 01 (một) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án nhưng được trừ thời gian tạm giam từ ngày 31/12/2019 đến ngày 07/01/2020.

**Xử phạt:** Bị cáo **Nguyễn Lam T1 01 (một) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án nhưng được trừ thời gian tạm giam từ ngày 31/12/2019 đến ngày 07/01/2020.

**Xử phạt:** Bị cáo **Trần Minh P2 01 (một) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án nhưng được trừ thời gian tạm giam từ ngày 31/12/2019 đến ngày 07/01/2020.

**Xử phạt:** Bị cáo **Nguyễn Thị Trúc P 01 (một) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 31/12/2019.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật hình sự 2015. Buộc bị cáo **Nguyễn Thị Trúc P** phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là **08 (tám) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 31/12/2019.

**2. Về xử lý vật chứng:** Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: Gói ma túy là mẫu vật hoàn lại sau giám định, đã được niêm phong số 04/KLGD-PC09 ngày 06/01/2020 có khối lượng 0,1805 gam và 02 bộ dụng cụ sử dụng Sisa bằng thủy tinh, 01 đĩa sứ màu trắng đường kính 25cm, 01 thẻ nhựa là vật Nhà nước cấm tàng trữ, cấm lưu hành và không có giá trị sử dụng.

- Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Iphone thuê bao số 0824837201, Imel: 012645009198043 của Nguyễn Thị Trúc P, 01 điện thoại di động hiệu Iphone thuê bao số 0937254860, Imel: 013056007013011 của Huỳnh Tấn L1, 01 điện thoại di động hiệu Iphone thuê bao số 0942000232, Imel: 013057005480657 của Lê Hoàng Kh sử dụng vào việc phạm tội cần.

(Số vật chứng đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 16/4/2020).

**3. Về án phí:** Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Luật phí và lệ phí năm 2015; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Nguyễn Thị Trúc P, Lê Thị Lệ C, Huỳnh Tấn L1, Nguyễn Lam T1, Trần Minh P2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

**4. Về quyền kháng cáo:** Bị cáo Nguyễn Thị Trúc P, Lê Thị Lệ C, Huỳnh Tấn L1, Nguyễn Lam T1, Trần Minh P2 được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị

Kim H, người đại diện theo pháp luật của chị Lê Thị Kim H là bà Lê Thị Tuyết H1, chị Lê Nguyễn Minh Q vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật

***Nơi nhận:***

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa;
- Cơ quan điều tra Công an thành phố Biên Hòa;
- Cơ quan thi hành án hình sự thành phố Biên Hòa;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa;
- Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
Trần Anh Đức  
(Đã ký)**